

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 219/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Địa chỉ: Số 198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật : Ông Nghiêm Xuân Thành – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ông Lê Tấn L – Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh K.

Đại diện theo Ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Viết H – Tổ trưởng tổ xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh K. Địa chỉ: Số 01 Phan Đình Phùng, phường Quyết Th, thành phố K, tỉnh K (Văn bản ủy quyền ngày 18/02/2021)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Bích T , sinh năm 1984. Cùng địa chỉ : Thôn 1, xã Nam Y , huyện Đắk Đ , tỉnh G. Ông Nguyễn Tấn T uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Bích T tham gia tố tụng (Văn bản uỷ quyền ngày 14/9/2022)

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh K tổng số tiền tính đến ngày 02/01/2024 là **2.914.881.998 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ, chín

trăm mười bốn triệu, tám trăm tám mươi một ngàn, chín trăm chín mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc: 1.950.000.000 đồng, lãi trong hạn 769.224.162 đồng, lãi quá hạn: 195.657.836 đồng. Thời hạn và phương thức trả nợ: Trả một lần vào ngày 30/01/2024.

2.2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 03/01/2024, ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị Bích T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn đối với khoản tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Nếu ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị Bích T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản theo các hợp đồng bảo đảm đã ký kết giữa ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị Bích T với Ngân Hàng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Cụ thể các tài sản thế chấp, gồm:

+ Hợp đồng bảo đảm số 03/05/NHNT ngày 03/05/2017, thế chấp Quyền sử dụng đất đối với lô đất tờ bản đồ số: 06, thửa số: **24**, tại Làng Kr, xã Kon G, huyện Đắk Đ, tỉnh Gi, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CH 996105, do UBND huyện Đắk Đ, tỉnh Gi cấp ngày 04/04/2017 đứng tên ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị Bích T.

+ Hợp đồng bảo đảm số 12/01/NHNT ngày 12/01/2017; thế chấp Quyền sử dụng đất đối với lô đất tờ bản đồ số: 95, thửa số: **151**, tại thôn Cẩm B, xã HN, huyện Đắk Đ, tỉnh Gi, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 806012, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh G cấp ngày 24/05/2016. Đăng ký biến động ngày 29/11/2016 đứng tên ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị Bích T.

+ Hợp đồng bảo đảm số 19/11/NHNT ngày 19/11/2018; thế chấp Quyền sử dụng đất đối với lô đất tờ bản đồ số: 14, thửa số: **45**, tại Làng Kr, xã Kon G, huyện Đắk Đ, tỉnh G, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BC 035237, do UBND huyện Đắk Đ, tỉnh G cấp ngày 15/07/2010, đứng tên bà Phạm Thị L. Đăng ký biến động vào ngày 10/01/2018 (chuyển nhượng) cho ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị Bích T.

+ Hợp đồng bảo đảm số 30/09/NHNT ngày 30/09/2016; thế chấp Quyền sử dụng đất đối với lô đất tờ bản đồ số: 36, thửa số: **25**, tại Bok R, xã Đắk S, huyện Đắk Đ, tỉnh Gi, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 822413, do UBND huyện Đắk Đ, tỉnh G cấp ngày 19/05/2016, đứng tên ông U và bà M. Đăng ký biến động vào ngày 30/9/2016 (chuyển nhượng) cho ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị Bích T.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh K thì Ngân hàng

có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị Bích T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2.3. Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đơn khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng, tổng số tiền là 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*). Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng nên ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị Bích T phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- chi nhánh K số tiền 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*).

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 144, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu 45.148.820 đồng. (*Bốn mươi lăm triệu , một trăm bốn mươi tám nghìn , tám trăm hai mươi đồng*).

+ Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- chi nhánh Kon Tum số tiền 37.570.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003921 ngày 16/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND Tp. K;
- Chi cục THADS Tp. K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Mai Thị Thu